

Số: **426** /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **14** tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Công bố Thủ tục hành chính**

1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ “<https://bit.ly/32gdbU2>”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1711/QĐ-BKHĐT ngày 14/11/2018 công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực

đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 1967/QĐ-BKHĐT ngày 13/12/2019 công bố danh mục thủ tục hành chính bổ sung lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị: Vụ PC, TCCB, VPB<sub>2</sub> (P. KSTH);
- TTTH (để đưa tin, cập nhật trên Cổng dịch vụ công của Bộ);
- Lưu: VT, ĐTNN.

H3

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Trung**





**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ DUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ  
TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **426** /QĐ-BKHĐT ngày **14** tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) ✓

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

STT	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung	Cơ quan thực hiện	Mã hồ sơ TTHC
1	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Đầu tư 2020). - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám định, đánh giá đầu tư (Nghị định số 29/2021/NĐ-CP). - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư (Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT).	Quốc hội chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh).	
2	Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (hiệu đính).	

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung	Cơ quan thực hiện	Mã hồ sơ TTHC
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP . - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.	2.000301
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.	2.002046
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh).	1.000701
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.	2.000239
7	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh).	1.000381

<b>STT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>	<b>Mã hồ sơ TTHC</b>
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (cấp lại).	<b>1.000368</b>
9	Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.	<b>2.000114</b>
10	Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<b>2.002255</b>
11	Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước	- Luật Đầu tư 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<b>2.002256</b>



## Phụ lục II

### NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 426 /QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 4 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

#### 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội

##### a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Khi nhận được đủ hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Chính phủ gửi Hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

- Quốc hội xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài bao gồm các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội.

##### b) Cách thức thực hiện:

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

##### c) Thành phần hồ sơ:

(i) Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(iii) Đề xuất dự án đầu tư gồm: mục tiêu, quy mô, hình thức, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án.

(iv) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

- Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

- Dự án năng lượng;
- Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản;
- Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản;
- Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo;
- Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

(v) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư gồm một trong các loại sau:

- Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;
- Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;
- Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;
- Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

(vi) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

(vii) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn nộp văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ thì nộp kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

(viii) Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước hoặc Quyết định hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

(ix) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

(x) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính



đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ được lập thành 20 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

- Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư ra nước ngoài bao gồm các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Trường hợp Quốc hội không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Quốc hội chấp thuận chủ trương;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.1: “Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.2: “Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.6: “ Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc

Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;

- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;

- Mẫu số B.I.9: “Quyết định hoạt động đầu tư ra nước ngoài”.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

+ Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên;

+ Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư có cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực

hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 59 do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan).

- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám định, đánh giá đầu tư;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

**2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Hồ sơ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận khi có đầy đủ đầu mục tài liệu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính.

- Cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo



các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 58 của Luật Đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, sau khi có chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 29 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Khi nhận được chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ và quyết định đầu tư ra nước ngoài của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư, đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi Cục thuế nơi đăng ký thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước).

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

**c) Thành phần hồ sơ:**

(i) Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(iii) Đề xuất dự án đầu tư gồm: mục tiêu, quy mô, hình thức, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án.

(iv) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

- Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

- Dự án năng lượng;

- Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản;

- Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản;

- Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo;

- Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao

dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

(v) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư gồm một trong các loại tài liệu sau:

- Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

- Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

- Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;

- Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

(vi) Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài:

- Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức hợp đồng ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp thỏa thuận, hợp đồng với đối tác nước ngoài về việc đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương kèm theo tài liệu về tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài.

- Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó, nhà đầu tư nộp thỏa thuận, hợp đồng hoặc tài liệu khác xác định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp kèm theo tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế ở nước ngoài mà nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

- Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp tài liệu xác định hình thức đầu tư đó theo quy định của pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

(vii) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

(viii) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn nộp văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ thì nộp kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

(ix) Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực

hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Đầu tư.

(x) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (*nếu có*).

(xi) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ:** Hồ sơ được lập thành 08 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý. Quá thời hạn trên mà cơ quan được lấy ý kiến không có ý kiến bằng văn bản thì được coi là đã chấp thuận hồ sơ dự án đầu tư đối với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ và quyết định đầu tư ra nước ngoài của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư, đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi cục thuế nơi đăng ký thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu.



- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Thủ tướng chấp thuận chủ trương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.1: “Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;
- Mẫu số B.I.2: “Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài”;
- Mẫu số B.I.6: “ Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;
- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;
- Mẫu số B.I.9: “Quyết định hoạt động đầu tư ra nước ngoài”.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

+ Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên;

+ Dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư có tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 59 do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan).

- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

#### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

### **3. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Khi nhận được đủ hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Chính phủ gửi Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

- Quốc hội xem xét, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài bao gồm các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

(i) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(iii) Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(iv) Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước hoặc Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(vi) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;



(vii) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, g khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư và Điều 77 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 liên quan đến các nội dung điều chỉnh, gồm:

(viii) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: hình thức, mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án

(ix) Các dự án đầu tư sau đây phải có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Dự án năng lượng; Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản; Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo; Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

- Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư gồm một trong các loại tài liệu sau:

+ Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;

+ Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

(x) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép;

(xi) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

#### **d) Số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được lập thành 20 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

- Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài bao gồm các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 57 của Luật Đầu tư.

- Trường hợp Quốc hội không chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản không chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Quốc hội chấp thuận chủ trương;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.3: “Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I 4: “Giải trình đề xuất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.5: “Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài (từ ngày cấp GCNĐK ĐTRNN đến ngày đề nghị điều chỉnh GCNĐK ĐTRNN)”.

- Mẫu số B.I.6: “Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc

Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;

- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;

- Mẫu số B.I.10: “Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài”.

### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

+ Dự án sau khi điều chỉnh thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên;

+ Dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài sau khi điều chỉnh phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước;

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư có cam kết tự thu xếp ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp

dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan).

- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

#### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám định, đánh giá đầu tư;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

### **4. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Hồ sơ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận khi có đầy đủ đầu mục tài liệu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính.

- Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh của dự án trình Thủ tướng Chính phủ.

- Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài.

- Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, sau khi có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 29 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Khi nhận được chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ và quyết định đầu tư ra nước ngoài của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi Cục thuế nơi đăng ký nộp thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước).

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

(i) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(iii) Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(iv) Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(vi) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;



(vii) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, g khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư và Điều 75 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 liên quan đến các nội dung điều chỉnh, gồm:

- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: hình thức, mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án

- Các dự án đầu tư sau đây phải có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Dự án năng lượng; Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản; Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo; Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

- Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư gồm một trong các loại tài liệu sau:

+ Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;

+ Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

(viii) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng;

(ix) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

#### **d) Số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được lập thành 08 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý. Quá thời hạn trên mà cơ quan được lấy ý kiến không có ý kiến bằng văn bản thì được coi là đã chấp thuận hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư đối với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ và quyết định đầu tư ra nước ngoài của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính.

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản không chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.3: “Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.4: “Giải trình đề xuất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.5: “Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài (từ ngày cấp GCNĐK ĐTRNN đến ngày đề nghị điều chỉnh GCNĐK ĐTRNN)”.

- Mẫu số B.I.6: “Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc

Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;

- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;

- Mẫu số B.I.10: “Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài”.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

+ Dự án sau khi điều chỉnh thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên;

+ Dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài sau khi điều chỉnh phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Trường hợp nhà đầu tư điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư có cam kết tự thu xếp ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan).

- Trường hợp nhà đầu tư điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

#### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.

- Hồ sơ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận khi có đầy đủ đầu mục tài liệu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp dự án có vốn đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi Cục thuế nơi đăng ký thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước).

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 80 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- (i) Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- (ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- (iii) Quyết định đầu tư ra nước ngoài;
- (iv) Các dự án đầu tư sau đây phải có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Dự án năng lượng; Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản; Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo; Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản



trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

- Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư gồm một trong các loại tài liệu sau:

+ Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

+ Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;

+ Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

- Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài:

+ Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức hợp đồng ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp thỏa thuận, hợp đồng với đối tác nước ngoài về việc đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương kèm theo tài liệu về tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài.

+ Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó, nhà đầu tư nộp thỏa thuận, hợp đồng hoặc tài liệu khác xác định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp kèm theo tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế ở nước ngoài mà nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

+ Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp tài liệu xác định hình thức đầu tư đó theo quy định của pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

(v) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn nộp văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ thì nộp kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

(vi) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

(vii) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ được lập thành 03 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.
- Trường hợp nộp trực tuyến, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án có vốn đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 54 của Luật Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời hạn trên mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhận được văn bản trả lời, thì được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chấp thuận hồ sơ dự án đầu tư đối với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thì phải thông báo cho nhà đầu tư bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến dưới dạng không sử dụng chữ ký số, quá 30 ngày kể từ ngày có thông báo hồ sơ hợp lệ mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhận được hồ sơ bản giấy của nhà đầu tư để đối chiếu thì hồ sơ nộp trực tuyến trên Hệ thống của nhà đầu tư không còn hiệu lực.

**e) Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.1: “Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;
- Mẫu số B.I.6: “Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc

- Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;
- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;
- Mẫu số B.I.9: “Quyết định đầu tư ra nước ngoài”.

### **I) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư có cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư.

- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

**6. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời đăng ký thông tin đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.
- Hồ sơ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận khi có đầy đủ đầu mục tài liệu và đã được đăng ký trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải được làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.
- Trường hợp dự án sau khi điều chỉnh có vốn đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Khi nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân nơi nhà đầu tư cư trú hoặc đặt trụ sở chính, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi Cục thuế nơi đăng ký thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước).
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo từ chối điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

**c) Thành phần hồ sơ:**

(i) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(iii) Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(iv) Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc các văn bản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư

Đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư là các văn bản sau:

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu cho phép nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu: Nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, hình thức, địa điểm đầu tư, tổng vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn, tiến độ thực hiện dự án, các chỉ tiêu về hiệu quả đầu tư cần đạt được;

+ Báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài, làm cơ sở cho việc chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(vi) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

(vii) Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn nộp văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ thì nộp kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

(viii) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

**d) Số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ được lập thành 03 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

- Trường hợp nộp trực tuyến, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải được làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.



- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sau khi điều chỉnh có vốn đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời hạn trên mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhận được văn bản trả lời, thì được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chấp thuận hồ sơ dự án đầu tư đối với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến dưới dạng không sử dụng chữ ký số, quá 30 ngày kể từ ngày có thông báo hồ sơ hợp lệ mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhận được hồ sơ bản giấy của nhà đầu tư để đối chiếu thì hồ sơ nộp trực tuyến trên Hệ thống của nhà đầu tư không còn hiệu lực.

**e) Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

**i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Mẫu số B.I.3: “Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”;

- Mẫu số B.I.5: “Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài (từ ngày cấp GCNĐK ĐTRNN đến ngày đề nghị điều chỉnh GCNĐK ĐTRNN)”;

- Mẫu số B.I.6: “Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ” hoặc

Mẫu số B.I.7: “Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng”;

- Mẫu số B.I.8: “Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế”;

- Mẫu số B.I.10: “Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài”.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu

ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản lý và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

+ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư) và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư, cụ thể:

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

+ Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư có cam kết tự thu xếp ngoại tệ hoặc được tổ chức tín dụng được phép cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên và không thuộc dự án quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên; Dự án yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định; Dự án thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên; Dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Có Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc các văn bản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư (cụ thể: Dự án của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 57 do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan).

- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **7. Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải được làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện hồ sơ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài gửi nhà đầu tư, đồng thời sao gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân nơi nhà đầu tư cư trú hoặc đặt trụ sở chính, Cục thuế tỉnh, thành phố/Chi Cục thuế nơi đăng ký thuế và cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước).

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **c) Thành phần hồ sơ:**

(i) Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo mẫu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(ii) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

(iii) Quyết định chấm dứt dự án đầu tư tại nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư;

(iv) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

(v) Tài liệu chứng minh nhà đầu tư đã hoàn thành việc kết thúc, thanh lý dự án và chuyển toàn bộ tiền, tài sản, các khoản thu từ kết thúc, thanh lý dự án về nước theo quy định tại Điều 88 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, cụ thể:

- Ngay sau khi kết thúc hoạt động đầu tư, nhà đầu tư phải thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

- Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư liên quan đến việc hoàn tất thanh lý dự án đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển về nước toàn bộ các khoản thu còn lại từ việc thanh lý dự án đầu tư.

- Trường hợp có nhu cầu kéo dài thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 88, chậm nhất 15 ngày trước ngày hết hạn, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị và nêu

rõ lý do gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định. Việc gia hạn được thực hiện không quá một lần và không quá 06 tháng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời nhà đầu tư về việc gia hạn thời hạn chuyển về nước toàn bộ các khoản thu còn lại từ việc thanh lý dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu còn lại từ việc thanh lý dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư làm thủ tục chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 89 của Nghị định.

**d) Số lượng hồ sơ:** 02 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc có nội dung cần phải được làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Mẫu số B.I.14 “Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Nhà đầu tư thực hiện thanh lý dự án tại nước ngoài trước khi thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị hỏng dưới hình thức khác, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài tới cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để được cấp lại.

- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **c) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

### **d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

### **đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư

### **e) Cơ quan thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

### **g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)**

### **h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

### **i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không có**

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Mẫu số B.I.15 – Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có**

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;



- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **9. Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa chính xác so với thông tin đăng ký tại hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài tới cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để được hiệu đính.

- Cơ quan đăng ký đầu tư hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **c) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

### **d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

### **đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư

### **e) Cơ quan thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

### **g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)**

### **h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

### **i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không có**

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Mẫu số B.I.16 – Văn bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có**

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **10. Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trừ trường hợp giữ lại lợi nhuận theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam

- Quá thời gian trên mà không chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam thì nhà đầu tư phải thông báo trước bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được kéo dài không quá 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Đầu tư.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **c) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Cơ quan phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**g) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Mẫu số B.I.12 – Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

## **11. Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày dự án đầu tư được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải gửi thông báo bằng văn bản về việc thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài kèm theo bản sao văn bản chấp thuận dự án đầu tư hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Trực tuyến thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**c) Thành phần hồ sơ:** Văn bản thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Cơ quan phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**h) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Mẫu số B.I.11 – Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư

## MẪU VĂN BẢN KÈM THEO NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### Mẫu B.I.1

#### Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài

*Áp dụng cho tất cả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài  
(Điều 57, Điều 58, Điều 61 Luật Đầu tư và Điều 75, Điều 78 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### VĂN BẢN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư đăng ký đầu tư ra nước ngoài với nội dung như sau:

#### I. NHÀ ĐẦU TƯ

##### 1. Thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất:

##### a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)<sup>1</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại): .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email (nếu có): .....

##### b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)<sup>2</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email (nếu có):.....

Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở): .....

#### **Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: ..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....

Chức danh:.....

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số: .....; ngày cấp .....; Cơ quan cấp .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

[Nhà đầu tư tích [x] chọn kiểu nhà đầu tư phù hợp]

#### **Doanh nghiệp Nhà nước/Doanh nghiệp có vốn nhà nước**

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có): ... Tỷ lệ % vốn nhà nước:...

(trường hợp doanh nghiệp có nhiều cổ đông là doanh nghiệp nhà nước thì nêu rõ tỉ lệ % của từng cổ đông có vốn nhà nước)

<sup>1</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

<sup>2</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

**Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Tỉ lệ % vốn nước ngoài:...

**Tổ chức kinh tế khác**

**2. Thông tin của nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (nếu có):** Kê khai tương tự thông tin như nhà đầu tư thứ nhất

**3. Đối tác nước ngoài tham gia dự án (nếu có):**

**a. Trường hợp đối tác là cá nhân:**

Họ tên:..... Quốc tịch: .....

... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp .....

**b. Trường hợp đối tác là tổ chức/doanh nghiệp:**

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

... (Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức) số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....

**Đăng ký đầu tư sang ... (quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư) theo hình thức:**

[Nhà đầu tư tích [x] vào một trong những hình thức đầu tư quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư]

Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư

Đầu tư theo hình thức Hợp đồng ... (ghi rõ tên loại hợp đồng) ở nước ngoài

Góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó

Hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ...

## II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

**1. Tên dự án: ... (nhà đầu tư tự xác định, trong đó có gắn với mục tiêu hoạt động chính)**

**2. Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ... [ghi rõ đối với hình thức đầu tư quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư; tên tổ chức kinh tế bằng tiếng Anh, kèm dịch tiếng Việt (nếu có)]**

- Tên giao dịch (nếu có): ...

- Địa chỉ trụ sở: ... [ghi đầy đủ địa chỉ trụ sở chính thức hoặc dự kiến ở nước ngoài. Địa chỉ được ghi bằng tiếng Anh, kèm dịch tiếng Việt (nếu có)]

**3. Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ... [chỉ ghi đối với trường hợp hoạt động đầu tư thuộc diện có tài liệu xác nhận địa điểm quy định tại Điều 73 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP]**

**4. Mục tiêu và quy mô hoạt động:**

- Mục tiêu chính (nhà đầu tư tự xác định): ...

- Mục tiêu khác (nếu có): ....

- Quy mô dự án (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): ... [công suất, diện tích,...]

**5. Vốn đầu tư ra nước ngoài:**

5.1. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư).

Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư Việt Nam là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

(Tỷ giá ... ngày ... của ...)

5.2. Hình thức vốn góp đầu tư ra nước ngoài:

Hình thức vốn	Tiền mặt (1)		Máy móc, thiết bị, hàng hóa (2)		Tài sản khác (ghi rõ) (3)		Tổng (1+2+3)	
	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD
(Tên nhà đầu tư 1)								
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)								
...								
<b>Tổng cộng</b>								

### 5.3. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

[*Từng nhà đầu tư giải trình về nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài*]

... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) sử dụng nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu: ...

- Vốn vay: ...

- Lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ra nước ngoài được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài: ...

[*- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nhà đầu tư giải trình và cam kết về việc tuân thủ quy định tại Điều 70 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;*

*- Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư giải trình và cam kết về việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp]*

... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của dự án.

### 5.4. Nhu cầu sử dụng phần vốn đầu tư ra nước ngoài

[*Không áp dụng với hình thức theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư*]

- Vốn cố định: (*ghi rõ số tiền cho từng hạng mục dự kiến sử dụng nếu có của dự án. Ví dụ: xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, trang thiết bị văn phòng, chi phí sửa chữa nâng cấp, các tài sản cố định khác*)..... đơn vị tính: ..... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

- Vốn lưu động: ..... đơn vị tính: ..... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

### 5.5. Vốn cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay và/hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay:

Đơn vị tính: ... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

Tên nhà đầu tư	Số tiền	
	Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay	Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay
(Tên nhà đầu tư 1)		
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)		
...		
<b>Tổng cộng</b>		



5.6. Vốn đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (có xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép chuyển): (nếu có)

- Văn bản cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số ... ngày ...

- Số tài khoản ngoại tệ trước đầu tư<sup>3</sup> ... tại Ngân hàng ...

6. Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Trong thời hạn ... tháng

- Đi vào hoạt động: Trong thời hạn ... tháng

7. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (nếu có): ...

8. Kiến nghị của nhà đầu tư (nếu có): ...

### III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Nhà đầu tư cam kết các nội dung sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư;

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và quy định pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

### IV. TÀI LIỆU KÈM THEO

- ...

(Nhà đầu tư nộp kèm theo các văn bản theo quy định tại Điều 75 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với trường hợp dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ; hoặc Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với các trường hợp còn lại)

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

#### Mẫu B.I.2

#### Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài

Áp dụng cho hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thuộc diện chấp thuận chủ trương

(Điều 57, Điều 58 của Luật Đầu tư và Điều 75 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

(Các) nhà đầu tư giải trình về dự án đầu tư ra nước ngoài như sau:

#### I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất: ...

2. Tên nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (nếu có): ...

<sup>3</sup> Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

[chỉ cần ghi tên, không cần ghi các thông tin khác]

## II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Tên dự án: ... [như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

Hình thức đầu tư ra nước ngoài: ... [như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

2. Tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài: ... [như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

Địa chỉ trụ sở: ...

3. Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ... [như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

4. Mục tiêu và quy mô hoạt động: [như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

- Mục tiêu chính: ...

- Mục tiêu khác (nếu có): ...

- Quy mô dự án (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): ...

5. Vốn đầu tư ra nước ngoài:

5.1. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư Việt Nam là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó phần vốn đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (nếu có).

5.2. Giải trình làm rõ cơ sở xác định quy mô đầu tư của dự án; nội dung đầu tư cụ thể của dự án; phương án huy động vốn đầu tư; cơ cấu nguồn vốn đầu tư; các giai đoạn đầu tư (nếu có).

5.3. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

[Từng nhà đầu tư giải trình về nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài như sau]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu: ...

- Vốn vay: ...

- Dự kiến nguồn vốn vay (Vay của tổ chức tín dụng (trong và ngoài nước) ..., giá trị, thời hạn, lãi suất): ...

- Lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ra nước ngoài được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài: ...

[- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định tại Điều 70 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp]

5.4. Vốn cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay và/hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay:

Đơn vị tính: ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

Tên nhà đầu tư	Số tiền	
	Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay	Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay
(Tên nhà đầu tư 1)		
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)		
...		
<b>Tổng cộng</b>		

6. Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Trong thời hạn ... tháng

- Đi vào hoạt động: Trong thời hạn ... tháng

7. Các giải pháp về cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng nhu cầu hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trong đó việc cung cấp từ Việt Nam (nếu có): ...

Quy trình công nghệ chủ yếu và phương án mua sắm máy móc thiết bị (nếu có): ...

8. Đánh giá sự cần thiết phải đầu tư ra nước ngoài: ...

9. Phân tích rủi ro: ...

10. Dự kiến hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính:

Đơn vị tính: ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

	Tên chỉ tiêu	Năm hoạt động thứ 1: (theo năm tài chính)	Năm hoạt động tiếp theo	...	Tổng
1=2+3+....	Doanh thu				
2	Từ hoạt động/sản phẩm...				
3	Từ hoạt động/sản phẩm...				
...	...				
4	Lợi nhuận trước thuế:				
5	Lợi nhuận sau thuế:				
6=7+8	Lợi nhuận được chia của nhà đầu tư Việt Nam Trong đó:				
7	- Sử dụng đầu tư ở nước ngoài Ghi rõ phần lợi nhuận giữ lại đầu tư ở nước ngoài đã làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài				
8	+ Chuyển về Việt Nam				
9	+ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam (VND)				

11. Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế, dự kiến khả năng và thời gian thu hồi vốn đầu tư: ...

### III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

**Mẫu B.I.3**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**  
*Áp dụng cho tất cả hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài*  
*(Điều 63 của Luật Đầu tư và Điều 77, Điều 79 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày ... như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

*[Cách ghi: Đề nghị kê khai thông tin mới nhất của Nhà đầu tư]*

**1. Thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất:****a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Quốc tịch: .....  
 ... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*<sup>4</sup> số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại): .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email *(nếu có)*: .....

**b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:**

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....  
 ... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*<sup>5</sup> số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở): .....

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Quốc tịch: .....

Chức danh: .....

... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

*[Nhà đầu tư tích [x] chọn kiểu nhà đầu tư phù hợp]*

 **Doanh nghiệp Nhà nước/Doanh nghiệp có vốn nhà nước**

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu *(nếu có)*: ... Tỷ lệ % vốn nhà nước: ...

*(trường hợp doanh nghiệp có nhiều cổ đông là doanh nghiệp nhà nước thì nêu rõ tỉ lệ % của từng cổ đông có vốn nhà nước)*

<sup>4</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

<sup>5</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

**Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Tỉ lệ % vốn nước ngoài:...

**Tổ chức kinh tế khác**

**2. Thông tin về nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (nếu có):** Kê khai tương tự thông tin như nhà đầu tư thứ nhất

## II. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

2. Địa điểm thực hiện: ...

3. Mục tiêu hoạt động: ...

4. Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam: ...

## III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

(Các) nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh các nội dung sau:

### 1. Nội dung điều chỉnh 1:

- ... (Nội dung sẽ được điều chỉnh, ví dụ: vốn đầu tư ra nước ngoài/mục tiêu chính/...) đã quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh lần thứ ... ngày ... là: ... (ghi chi tiết nội dung đề nghị điều chỉnh)

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: ...

- Lý do điều chỉnh: ...

- Tài liệu chứng minh đính kèm (nếu có): ...

- Giải trình về việc tăng vốn đầu tư ra nước ngoài (đối với trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài):

(i) Hình thức của phần vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm:

Hình thức vốn	Tiền mặt (1)		Máy móc, thiết bị, hàng hóa (2)		Tài sản khác (ghi rõ) (3)		Tổng (1+2+3)	
	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD
Đơn vị tính								
(Tên nhà đầu tư 1)								
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)								
...								
<b>Tổng cộng</b>								

(ii) Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm: [Từng nhà đầu tư Việt Nam giải trình về nguồn của phần vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm như sau]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu: ...

- Vốn vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài: ...

- Lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ra nước ngoài được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài: ...

[- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định tại Điều 70 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của dự án.

(iii) Nhu cầu sử dụng phần vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm [Không áp dụng với hình thức theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư]

- Vốn cố định: (ghi rõ số tiền cho từng hạng mục dự kiến sử dụng nếu có của dự án. Ví dụ: xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, trang thiết bị văn phòng, chi phí sửa chữa nâng cấp, các tài sản cố định khác).....đơn vị tính:..... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư).

- Vốn lưu động: ..... đơn vị tính:..... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

(iv) Vốn cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay và/hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay:

Đơn vị tính: ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

Tên nhà đầu tư	Số tiền	
	Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay	Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay
(Tên nhà đầu tư 1)		
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)		
...		
<b>Tổng cộng</b>		

2. Nội dung điều chỉnh 2 (nếu có): Ghi tương tự nội dung điều chỉnh 1

#### IV. NỘI DUNG ĐÃ ĐIỀU CHỈNH TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ ĐẦU TƯ (nếu có)

[Đối với những nội dung điều chỉnh đã được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo khoản 2 Điều 63 của Luật Đầu tư]

(Các) nhà đầu tư đã điều chỉnh các nội dung sau:

-... [ví dụ thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu khác...]

#### V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Nhà đầu tư cam kết các nội dung sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư;

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và quy định pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

#### VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

- ... (Nhà đầu tư nộp kèm các văn bản theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương của Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ; hoặc Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với các trường hợp còn lại)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

#### Mẫu B.I.4

Giải trình đề xuất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài



*Áp dụng đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thuộc diện chấp thuận chủ trương  
(Khoản 5, 6 Điều 63 của Luật Đầu tư và Điều 77 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẢI TRÌNH ĐỀ XUẤT**  
**ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Các) nhà đầu tư ... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) giải trình về đề xuất điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài ... (*tên dự án*) đã được cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ... như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Tên nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất: ...
2. Tên nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (*nếu có*): ...  
*[chỉ cần ghi tên, không cần ghi các thông tin khác]*

**II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

1. Nội dung điều chỉnh 1: (*ví dụ: điều chỉnh thay đổi địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư, thay đổi mục tiêu chính...*)

Nội dung sau khi điều chỉnh: ...

2. Nội dung điều chỉnh 2 (*nếu có*): Ghi tương tự nội dung điều chỉnh 1

\* Trong trường hợp có nội dung điều chỉnh tăng vốn, cơ cấu nguồn vốn trong đó có sử dụng vốn vay, nhà đầu tư làm rõ về dự kiến nguồn vốn vay: Vay của tổ chức tín dụng (trong và ngoài nước) ..., giá trị, thời hạn, lãi suất.

**III. NỘI DUNG ĐÃ ĐIỀU CHỈNH TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ ĐẦU TƯ (*nếu có*)**

*[Đối với những nội dung điều chỉnh đã được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo khoản 2 Điều 63 của Luật Đầu tư]*

(Các) Nhà đầu tư đã điều chỉnh các nội dung sau:

-... *[ví dụ thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu khác...]*

**IV. ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Đánh giá sự cần thiết phải điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài: ...

Các giải pháp về cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng nhu cầu hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trong đó việc cung cấp từ Việt Nam (*nếu có*): ...

Quy trình công nghệ chủ yếu và phương án mua sắm máy móc thiết bị (*nếu có*): ...

Dự kiến hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính sau khi điều chỉnh dự án: ...

Đơn vị: .... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

	Tên chỉ tiêu	Năm thứ 1 sau điều chỉnh: ( <i>theo năm tài chính</i> )	Năm tiếp theo sau điều chỉnh	...	Tổng
1=2+3+...	Doanh thu				
2	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>				
3	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>				
...	...				
4	Lợi nhuận trước thuế:				
5	Lợi nhuận sau thuế:				
6=7+8	Lợi nhuận được chia của nhà đầu tư Việt Nam. Trong đó:				
7	+ <i>Sử dụng đầu tư ở nước ngoài</i>				

	<i>Ghi rõ phần lợi nhuận giữ lại đầu tư ở nước ngoài đã làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài</i>				
8	+ Chuyển về Việt Nam				
9	+ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam (VND)				

Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế, dự kiến khả năng và thời gian thu hồi vốn đầu tư: ...

#### V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

#### Mẫu B.I.5

#### Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài

*Từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đến thời điểm đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài  
(Điểm c khoản 3 Điều 63 của Luật Đầu tư)*

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án đầu tư tại nước ngoài đến ngày/tháng/năm...(đến thời điểm đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) như sau:

1. Tiến độ thực hiện dự án:

- Văn bản chấp thuận đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư số ... ngày cấp... cơ quan cấp... (nếu có)

- ... [mô tả đầy đủ hoạt động kinh doanh của dự án sau khi đi vào hoạt động chính thức/bắt đầu kinh doanh, so sánh với tiến độ thực hiện dự án trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài]

2. Tình hình thực hiện các mục tiêu quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài [nêu rõ đã thực hiện các mục tiêu hoạt động nào nếu dự án có nhiều hơn một mục tiêu hoạt động].

3. Tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài

3.1. Tài khoản chuyển vốn bằng tiền mặt ra nước ngoài:

Số tài khoản: ...; Ngân hàng mở tài khoản: ...

3.2. Vốn đã chuyển ra nước ngoài (tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài): ...

3.3. Mục đích sử dụng vốn: (nêu rõ vốn đã chuyển ra nước ngoài đã được sử dụng như thế nào, nhằm mục đích gì)

3.4. Tiền chuyển về Việt Nam (lũy kế đến thời điểm đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), trong đó:

- Lợi nhuận: ...

- Các khoản tiền khác (nêu rõ tiền gì, nếu có): ...

4. Số lao động Việt Nam đưa ra nước ngoài thực hiện dự án tại thời điểm báo cáo: ...

5. Các vấn đề khác và đánh giá chung: [các nội dung khác liên quan đến dự án mà nhà đầu tư muốn mô tả, ví dụ: thực hiện an sinh xã hội ở nước tiếp nhận đầu tư...]

(Các) nhà đầu tư cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của nội dung báo cáo.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

### Mẫu B.I.6

#### Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ

Áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư có đủ ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài

(Điểm đ khoản 1 Điều 57, khoản 2 Điều 61 của Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### VĂN BẢN CAM KẾT TỰ CÂN ĐỐI NGUỒN NGOẠI TỆ

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư... (ghi rõ tên nhà đầu tư) cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư tại nước ngoài với các nội dung như sau:

Tên dự án/Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

Địa chỉ trụ sở: ...

Địa điểm thực hiện dự án: ...

Mục tiêu chính của dự án: ...

Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư: ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ

Nhà đầu tư... (ghi rõ tên nhà đầu tư) có ngoại tệ trên tài khoản tại Ngân hàng ... (ghi rõ tên, tổ chức tín dụng được phép) với số dư<sup>6</sup> tính đến ngày ... là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)/đô la Mỹ để thực hiện dự án đầu tư.

[Gửi kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ đủ để đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư]

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) cam kết về tính hợp pháp của nguồn ngoại tệ và tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

<sup>6</sup> Số lượng ngoại tệ bằng hoặc lớn hơn vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư

**Mẫu B.I.7****Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng**

*Áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không có ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài*

*(Điểm d khoản 1 Điều 57, khoản 2 Điều 61 của Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN CAM KẾT THU XẾP NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Theo đề nghị của nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ..., tổ chức tín dụng ... *(ghi rõ tên tổ chức tín dụng được phép)* cam kết bán cho nhà đầu tư *(trường hợp bán ngoại tệ)* và/hoặc cam kết cho nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* vay *(trường hợp cho vay ngoại tệ)* số lượng ngoại tệ ... *(bằng chữ)* ... *(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)/đô la Mỹ để thực hiện dự án ... (ghi rõ tên dự án/tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài) tại ... (ghi tên quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư) trong trường hợp nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) đáp ứng các điều kiện mua hoặc vay ngoại tệ theo quy định của pháp luật.*

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng được phép**

*(ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu)*

**Mẫu B.I.8****Thông báo về việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế**

*(Khoản 5 Điều 60 của Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 75, điểm c khoản 1 Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**TÊN CƠ QUAN THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO**

**V/v xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của công ty/tổ chức/cá nhân ...**

Căn cứ đề nghị của công ty/tổ chức/cá nhân ... tại văn bản số ... ngày ...;

Căn cứ số liệu về nghĩa vụ thuế của công ty/tổ chức/cá nhân ... do ... *(ghi tên cơ quan thuế)* theo dõi, quản lý;

... *(ghi tên cơ quan thuế)* xác nhận công ty/tổ chức/cá nhân ... đã hoàn thành nghĩa vụ thuế (không còn nợ đọng thuế quá hạn) theo kê khai đến ngày... tháng... năm ...;

... *(ghi tên cơ quan thuế)* thông báo để công ty/tổ chức/cá nhân ... được biết./.

**Nơi nhận:**

- *(công ty/tổ chức/cá nhân);*

- Lưu...

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA  
CƠ QUAN THUẾ**

*(ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu)*

**Mẫu B.I.9****Quyết định đầu tư ra nước ngoài<sup>7</sup>**

*Áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài  
(Khoản 4 Điều 60 của Luật Đầu tư, Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT<sup>8</sup>**

*(V/v đầu tư ra nước ngoài)*

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/CHỦ SỞ HỮU/...**

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Biên bản họp số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/... (ghi rõ tên nhà đầu tư) (nếu có);*

*Căn cứ Điều lệ của ... (ghi rõ tên nhà đầu tư).*

**QUYẾT ĐỊNH/QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Đầu tư ra nước ngoài với các nội dung sau****1. Thông tin hoạt động đầu tư ra nước ngoài**

Hình thức đầu tư ra nước ngoài: ... *(một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư)*

Tên dự án:...

Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài *(nếu có)*: ...

Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư *(đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư)*: ...

**2. Mục tiêu và quy mô hoạt động**

Mục tiêu chính: ...

Mục tiêu khác: ...

Quy mô dự án *(đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư)*: ...

**3. Vốn đầu tư ra nước ngoài**

Vốn đầu tư ra nước ngoài của ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* là ..., trong đó:

(i) Hình thức vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Tiền mặt: ...

- Máy móc, thiết bị, hàng hóa trị giá: ...

- Tài sản khác *(ghi rõ loại tài sản)* trị giá: ...

<sup>7</sup> Đối với nhà đầu tư là cá nhân/hộ kinh doanh, Quyết định đầu tư ra nước ngoài được thay bằng Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài hợp lệ

<sup>8</sup> Nhà đầu tư tự xác định hình thức pháp lý văn bản theo quy định của pháp luật

(ii) Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư: ...
- Vốn vay (nếu có): ...

(iii) Vốn cho vay và/hoặc bảo lãnh ra nước ngoài:

- Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay (nếu có): ...
- Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay (nếu có): ...

[Cách ghi vốn đầu tư: ghi bằng số và bằng chữ, bằng loại ngoại tệ dùng để đầu tư; sau đó, quy đổi sang đô la Mỹ]

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao ... (đơn vị, cá nhân) ...

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định/ng nghị quyết này có hiệu lực kể từ ...; ... (đơn vị, cá nhân có liên quan) có trách nhiệm thi hành quyết định/ng nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- (tổ chức, cá nhân có liên quan);
- Lưu...

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA**

**... (tổ chức ra quyết định/ng nghị quyết...)**

(ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu - nếu có)

### **Mẫu B.I.10**

#### **Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài<sup>9</sup>**

Áp dụng đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài  
(Khoản 3 Điều 63 của Luật Đầu tư, Điều 75 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

#### **QUYẾT ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT<sup>10</sup>**

(V/v điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài)

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/CHỦ SỞ HỮU/...**

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Biên bản họp số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/... (ghi rõ tên nhà đầu tư) (nếu có);

Căn cứ Điều lệ của ... (ghi rõ tên nhà đầu tư).

#### **QUYẾT ĐỊNH/QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1: Điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài với các nội dung sau**

<sup>9</sup> Đối với nhà đầu tư là cá nhân/hộ kinh doanh, Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài được thay bằng Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hợp lệ

<sup>10</sup> Nhà đầu tư tự xác định hình thức pháp lý văn bản theo quy định của pháp luật



## 1. Nội dung điều chỉnh 1:

(*Nội dung điều chỉnh<sup>11</sup>*) quy định tại Điều ... của Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... cấp lần đầu ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... (*nếu có*):

“...” (*trích dẫn nội dung hiện hành quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài*)

Nay điều chỉnh như sau:

“...” (*ghi rõ nội dung điều chỉnh mới*)

Lý do điều chỉnh: ...

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (*nếu có*): ghi tương tự theo nội dung điều chỉnh 1

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao ... (*đơn vị, cá nhân*) ...

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định/ng nghị quyết này có hiệu lực kể từ ...; ...(*đơn vị, cá nhân có liên quan*) có trách nhiệm thi hành quyết định/ng nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- (*đơn vị, cá nhân có liên quan*);

- Lưu...

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA**

**...(*tổ chức ra quyết định/ng nghị quyết...*)**

(*ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu - nếu có*)

**Mẫu B.I.11****Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài**

(*Điểm a khoản 3 Điều 73 của Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 83 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO****Thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài**

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  
- ... (*ghi rõ tên Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư, nếu có*)

(Các) nhà đầu tư ... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ... thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài như sau:

- Đã được quốc gia/vùng lãnh thổ ... (*tên quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư*) chấp thuận hoạt động đầu tư tại văn bản số ... ngày ... hoặc được tổ chức kinh tế ... (*tổ chức nhà đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp*) chứng nhận sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc các hình thức chấp thuận khác theo quy định của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

- Địa chỉ trụ sở tại quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ... (*ghi chi tiết địa chỉ*).

- Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số ... mở tại ... (*tên tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam*).

- Hoạt động đầu tư được thực hiện từ tháng ... năm ...

Tài liệu gửi kèm:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

<sup>11</sup> Ví dụ: Vốn đầu tư ra nước ngoài/mục tiêu chính/hình thức đầu tư/...

- Bản sao văn bản chấp thuận đầu tư của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư/Bản sao văn bản chứng nhận sở hữu cổ phần, văn bản ghi nhận thành viên, cổ đông (*đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp*)/Bản sao các văn bản khác có giá trị pháp lý tương đương;
- Bản sao văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (*nếu có*);
- Bản sao các tài liệu liên quan khác (*nếu có*).

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (*nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có*)

### Mẫu B.I.12

## Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam (Khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### THÔNG BÁO

#### Kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Các) nhà đầu tư ... (*tên nhà đầu tư*) đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., thông báo thời hạn chuyển lợi nhuận về Việt Nam như sau:

1. Năm tài chính ... (*ghi rõ năm tài chính, ví dụ: 01/01/2020-31/12/2020*)

Ngày có báo cáo quyết toán thuế của năm ... (*năm tài chính nêu trên*): Ngày ...

Lợi nhuận của dự án trong năm ... (*năm tài chính nêu trên*) như sau:

	Tên chỉ tiêu	Số tiền	
		( <i>loại ngoại tệ dùng để đầu tư</i> )	USD
1	Lợi nhuận sau thuế được chia của nhà đầu tư Việt Nam		
2	Lợi nhuận của nhà đầu tư Việt Nam đã chuyển về nước		
3 = 1+2	Lợi nhuận còn lại		

2. Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận về Việt Nam:

Nhà đầu tư thông báo kéo dài thời hạn chuyển về Việt Nam số lợi nhuận còn lại: ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ đến ngày ... tháng ... năm ... theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư.

Lý do kéo dài thời hạn: ...

Nhà đầu tư cam kết chuyển số lợi nhuận còn lại nêu trên về nước đúng thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai.

*Tài liệu gửi kèm:* Báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương của dự án tại nước ngoài cho năm tài chính ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (*nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có*)

**Mẫu B.I.14****Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài***(Khoản 2 Điều 64 của Luật Đầu tư, Điều 87 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... *(nếu có)* như sau:

**I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ****a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên:..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....

...*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*<sup>12</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại): .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email *(nếu có)*: .....**b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:**

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

...*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*<sup>13</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email *(nếu có)*: .....

Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở): .....

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY**

Vốn lũy kế đã chuyển ra nước ngoài từ khi bắt đầu triển khai dự án đến thời điểm xin chấm dứt dự án: ... *(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)*, tương đương ... đô la Mỹ.

Tiền chuyển về Việt Nam (bao gồm vốn, lợi nhuận lũy kế, khoản thu sau thanh lý, ...) thông qua số tài khoản ... mở tại ... *(tên tổ chức tín dụng)* là... *(bằng chữ)* ... *(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)*, tương đương ... đô la Mỹ.

Tài sản khác chuyển về Việt Nam: ... *(ghi rõ loại tài sản)* trị giá ... *(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)*, tương đương ... đô la Mỹ.

Đánh giá kết quả dự án *(trường hợp không hiệu quả thì nêu rõ lý do)*: ...

**III. CHẤM DỨT DỰ ÁN**

1. Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm ... khoản 1 Điều 64 của Luật Đầu tư.

<sup>12</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

<sup>13</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

2. Nhà đầu tư trình bày về các hoạt động đã tiến hành để chấm dứt dự án<sup>3</sup>: ...

#### IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Nhà đầu tư cam kết các nội dung sau:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực và tính chính xác của nội dung hồ sơ.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.
3. Nhà đầu tư cam kết đã hoàn thành thủ tục thanh lý dự án theo đúng quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư và hiện tại không còn vướng mắc phát sinh liên quan đến dự án.

#### VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

- Bản chính Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các bản điều chỉnh (nếu có).
- Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc thanh lý dự án tại nước ngoài.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

#### Mẫu B.I.15

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

Mẫu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

(Điều 81 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) đã được cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., nay đề nghị cấp lại Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

**I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ** (ghi thông tin hiện tại của nhà đầu tư)

**a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Quốc tịch: .....

... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)<sup>15</sup> số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại): .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email (nếu có): .....

**b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:**

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

<sup>3</sup> Ví dụ: Việc thanh lý dự án/giải thể công ty/rút vốn khỏi dự án/thủ tục kết thúc đầu tư ở quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư/việc đưa lao động Việt Nam về nước/...

<sup>15</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)<sup>16</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email (nếu có):.....

Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở): .....

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: ..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....

Chức danh:.....

## **II. THÔNG TIN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐÃ CẤP**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... cấp ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... (nếu có)

Tên dự án: ...

Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

Tình hình hoạt động của dự án đến nay: ...

## **III. ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Nhà đầu tư đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ...

Lý do đề nghị cấp lại: ...

## **IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT**

Nhà đầu tư cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Bản đề nghị này.

Tài liệu kèm theo (nếu có): ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

### **Mẫu B.I.16**

**Văn bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

*Mẫu đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài*

(Điều 81 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

## **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

#### **Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., nay đề nghị hiệu đính nội ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

#### **I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ** (ghi thông tin hiện tại của nhà đầu tư)

##### **a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên:..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)<sup>17</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp .....

<sup>16</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

Mã số thuế: .....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Chỗ ở hiện tại: .....  
 Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại): .....  
 Điện thoại: ..... Fax: ..... Email (nếu có): .....

**b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:**

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....  
 ... (Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)<sup>18</sup> số: .....; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....  
 Địa chỉ trụ sở: .....  
 Mã số thuế: .....  
 Điện thoại: ..... Fax: ..... Email (nếu có):.....  
 Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở): .....  
**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:**  
 Họ tên: ..... Ngày sinh: .....Quốc tịch: .....  
 Chức danh:.....

**II. THÔNG TIN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐÃ CẤP**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... cấp ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... (nếu có)

Tên dự án: ...

Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

Tình hình hoạt động của dự án đến nay: ...

**III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH**

(Các) nhà đầu tư đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... cấp ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... như sau:

**1. Nội dung hiệu đính 1**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài: .....

- Nay đề nghị hiệu đính như sau: .....

- Lý do hiệu đính: .....

**2. Nội dung hiệu đính tiếp theo (nếu có):** ghi tương tự như nội dung hiệu đính 1

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT**

Nhà đầu tư cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Văn bản đề nghị này.

Tài liệu kèm theo:

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài có nội dung đề nghị hiệu đính;
- ... (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tên nhà đầu tư** (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

<sup>17</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

<sup>18</sup> Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.